

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ NINH HOÀ  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2022/DS-ST**  
Ngày: 12-7-2022  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HOÀ, TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Ngô Thị Thanh Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Chung

Bà Lê Thị Hoa

**- Thư ký phiên toà:** Bà Vy Thị Hoài Nụ - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà:** Bà Đào Khánh Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 144/2021/TLST-DS ngày 01/11/2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST-DS ngày 31/5/2022, Quyết định hoãn phiên toà số 59/2022/QĐST-DS ngày 21/6/2022 giữa:

**\* Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị T

Nơi cư trú: Thôn V, xã Q, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

**\* Bị đơn:** Bà Phạm Thị L

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Lương Công Đ

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn bà Bùi Thị T trình bày:** Ngày 01/9/2018, bà Phạm Thị L có vay bà số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận, thời hạn vay: 01 năm. Khi vay, bà L nói mục đích vay là để mua ruộng trồng lúa và có hứa hẹn sẽ trả dần vào tiền bán lúa mỗi vụ nhưng bà L không thực hiện. Ông Lương Công Đ chồng bà L có biết việc bà L vay tiền của bà tuy nhiên chỉ một mình bà L ký giấy nhận nợ. Tại biên bản hoà giải ngày 18/4/2022, bà có sai sót trong việc tính số tiền lãi. Nay bà yêu cầu bà Phạm Thị L phải trả cho bà số tiền gốc 60.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 01/9/2018 đến ngày 18/4/2022 là 21.705.600 đồng, trừ đi số tiền 15.000.000 đồng bà L đã trả, như vậy tổng số tiền bà T yêu cầu là 66.705.600 đồng, yêu cầu bà L phải thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

**\* Theo bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị L trình bày:**

Ngày 01/9/2018 bà có viết giấy nhận nợ cho bà Bùi Thị T số tiền 60.000.000 đồng, đây là giấy chốt lại các khoản nợ trước đây của bà với bà T. Tuy nhiên do các bên không thoả thuận lãi, bà chỉ chấp nhận trả cho bà T số tiền gốc 60.000.000 đồng, trừ đi số tiền 15.000.000 đồng đã thanh toán ngày 18/4/2022, số tiền còn lại là 45.000.000 đồng. Vì gia đình khó khăn nên bà xin được trả dần trong thời hạn 1 năm. Đề nghị Tòa án không đưa chồng bà là ông Lương Công Đ tham gia tố tụng do việc vay nợ là của riêng bà, ông Đ có biết nhưng không liên quan đến việc này.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhiều lần để tiến hành hòa giải, tham dự phiên tòa nhưng ông Lương Công Đ đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

**\* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát không có yêu cầu kiến nghị gì.

- Về nội dung: Qua quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án có căn cứ cho rằng: Ngày 01/9/2018, bà L có vay của bà T 60.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận. Ngày 18/4/2022, bà L đã trả được 15.000.000 đồng và bà T chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 01/9/2018 đến ngày 18/4/2022. Vì thế đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T buộc bà L phải trả cho bà T số tiền gốc 45.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/9/2018 đến ngày 18/4/2022.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về thẩm quyền: Bị đơn bà Phạm Thị L hiện đang sinh sống tại thôn T, xã Q, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hoà theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lương Công Đ đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

Ngày 01/9/2018, bà Phạm Thị L vay bà Bùi Thị T 60.000.000 đồng, thời hạn vay: 01 năm, lãi suất thoả thuận. Bà T đã nhiều lần yêu cầu bà L thanh toán

số tiền gốc và lãi theo giấy nhận nợ bà L đã viết, bà L hứa hẹn rồi không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phát sinh tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 18/4/2022 bà Phạm Thị L đã trả cho bà Bùi Thị T số tiền 15.000.000 đồng và bà T không yêu cầu Toà án tiếp tục tính lãi từ ngày 18/4/2022. Do đó, tổng số tiền bà T yêu cầu bà L phải trả là 66.705.600 đồng, trong đó tiền gốc là 45.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/9/2018 đến ngày 18/4/2022 là 21.705.600 đồng, bà yêu cầu bà L phải thanh toán toàn bộ số nợ làm 1 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà Phạm Thị L chỉ thừa nhận bà còn nợ lại bà T số tiền gốc là 45.000.000 đồng, vì lý do gia đình khó khăn nên bà L đề nghị được trả dần số tiền này trong vòng 1 năm và đề nghị Toà án không đưa ông Lương Công Đ tham gia tố tụng vì lý do đây là khoản vay riêng của bà, ông Đồng biết nhưng không liên quan đến số tiền nợ này.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T:

Về số tiền nợ gốc: Hợp đồng vay tài sản giữa bà Bùi Thị T và bà Phạm Thị L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, không vi phạm quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Bà Phạm Thị L thừa nhận nội dung về số tiền vay 60.000.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thoả thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện hợp đồng bà L đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thoả thuận làm phát sinh tranh chấp. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*. Vì thế, bà L phải trả cho bà T số tiền (60.000.000 đồng - 15.000.000 đồng) = 45.000.000 đồng tiền gốc.

Tại bản tự khai ngày 08/11/2021, bà Phạm Thị T trình bày mục đích vay tiền của bà L là để mua ruộng trồng lúa, vì thế Toà án đưa ông Lương Công Đ, chồng bà L tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên bà L trình bày đây là khoản vay riêng của bà, ông Đ biết nhưng không liên quan gì đến khoản vay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Đ đến Toà và đến nhà để làm việc nhưng đều không gặp được ông Đ để làm rõ nội dung này. Tại phiên toà bà T không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh việc bà L mua đất để trồng lúa và bà T cũng chỉ yêu cầu bà L phải có trả số nợ trên, vì thế Toà án xác định chỉ bà L có trách nhiệm thanh toán số tiền vay theo giấy nhận nợ ngày 01/9/2018.

Về số tiền lãi: Bà Phạm Thị L xác nhận giấy nhận nợ ngày 01/9/2018 là do bà viết tuy nhiên không thừa nhận nội dung về lãi suất do các bên không thoả thuận và trong số tiền 60.000.000 đồng tiền gốc trong giấy nhận nợ đã bao gồm cả tiền gốc và lãi tuy nhiên bà L không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu về lãi của nguyên đơn bà Phạm Thị T. Việc bà T yêu cầu chỉ tính lãi từ ngày 01/9/2018 đến ngày 18/4/2022 là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự: *“Trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi*

*suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.*

Từ ngày 01/9/2018 đến ngày 18/4/2022 là 43 tháng 18 ngày.

Tiền lãi được tính như sau:

60.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 43 tháng = 21.414.000 đồng (1).

60.000.000 đồng x 0.027%/ngày x 18 ngày = 291.600 đồng (2).

Tổng số tiền lãi bà L phải thanh toán cho bà T là: (1) + (2) = 21.705.600 đồng.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận, vì thế bà Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định: 66.705.600 đồng x 5% = 3.335.280 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

#### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị T.**

Bà Phạm Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị T số tiền 66.705.600 đồng (*Sáu mươi sáu triệu, bảy trăm lẻ năm nghìn, sáu trăm đồng*), trong đó tiền gốc là 45.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 01/9/2018 đến ngày 18/4/2022 là 21.705.600 đồng.

*Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

**2. Về án phí:** Bà Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.335.280 đồng (*Ba triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn, hai trăm tám mươi đồng*).

Hoàn lại cho bà Bùi Thị T 1.920.750đ (*Một triệu, chín trăm hai mươi nghìn, bảy trăm năm mươi đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004101 ngày 28/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Ninh Hòa.

**3. Về quyền kháng cáo:** Bà Bùi Thị T và bà Phạm Thị L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Lương

Công Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Thanh Huyền**